

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HTB
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/DS-ST.

Ngày: 21/6/2018.

V/v: “Tranh chấp về quyền thoát nước qua bất động sản liền kề”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HTB,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thông Văn Đă

2. Ông Nguyễn Anh T

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HTB, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Truyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HTB, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2017/TLST-DS ngày 28/8/2017, về việc: “Tranh chấp về quyền thoát nước qua bất động sản liền kề” theo Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 45/2017/QĐST-DS ngày 29/12/2017; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 15/2018/QĐ-DS ngày 09/4/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐST-DS ngày 22/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1953

2/ Bà Phan Thị L - sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn Phú T, xã Hàm T, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: 1/ Ông Đặng Minh T – sinh năm 1972

2/ Bà Trương Thị Kim L – sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn P .L, xã H. P, huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị L trình bày: Gia đình ông bà được Nhà nước cấp cho 01 cái Ao diện tích đo đạc thực tế là 3.711,7m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 928280 ngày 14/10/2009 và các thửa đất số: 272 diện tích 700m², 275 diện tích 600m², 276 diện tích 840m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 527169 ngày 28/8/1998. Cái Ao của gia đình ông bà nằm phía trên có cống thoát nước xuống con mương nằm giáp ranh giữa cái Ao và đất của vợ chồng anh Đặng Minh T, chị Trương Thị Kim L phía dưới. Các

thửa đất số 272 diện tích 700m², 275 diện tích 600m², 276 diện tích 840m² nằm phía trên bên hướng Đông giáp với con mương thoát nước xuống con mương nằm hướng Nam giáp ranh với đất của anh Đặng Minh T và chị Trương Thị Kim L phía dưới. Hiện nay, vợ chồng ông T và bà L lấy cớ ông bà không cho lấy nước tưới từ cái Ao nên tự ý đắp kín cống thoát nước của cái Ao, phá bỏ bờ con mương nằm phía Nam, dùng đất đỏ đắp cao lên bờ mương còn lại trên các thửa đất số 272, 275 và 276 và đắp kín cống thoát nước con mương nằm phía Đông các thửa đất số 272, 275 và 276 không cho nước của 03 hộ dân phía trên thoát xuống. Việc làm của anh T lấp mương từ cống của cái ao chảy xuống là phi lý trái với quy luật tự nhiên nước chảy xuôi từ trên xuống dưới, khi trời mưa nước tràn vào ngập úng 500 trụ thanh long trồng trên các thửa đất số 272, 275 và 276 làm thiệt hại kinh tế cho gia đình ông bà. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu anh Đặng Minh T và chị Trương Thị Kim L phải tháo dỡ cống thoát nước của cái Ao (Cống số 1 theo sơ đồ phát họa) rộng 0,5m và cao 0,6m; Phá dỡ cống thoát nước của 03 hộ phía trên (Cống số 2 theo sơ đồ phát họa) có chiều dài 1m, rộng 1m và cao 0,5m hướng Đông các thửa đất số 272, 275 và 276; Phá bỏ bờ bao dài 99m cao 0,5m rộng 0,5m nối từ vị T Cống số 1 đến vị T Cống số 2 theo sơ đồ phát họa, và phục hồi lại con mương có trước đó cho nước mưa thoát xuống không làm ngập úng cây thanh long của gia đình ông bà.

Bị đơn vợ chồng ông Đặng Minh T và bà Trương Thị Kim L trình bày: Gia đình ông bà được Nhà nước cấp cho diện tích đất là 7.600m² thuộc thửa số 112 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N417724 ngày 12/10/1998 đứng tên mẹ ông T là bà Trương Thị Hoàn (đã chết), hiện nay gia đình ông bà trồng thanh long, trên đất này không có con mương nào tháo nước cho nội đồng khu vực, đất này nằm phía dưới giáp ranh với cái Ao và các thửa đất số 272, 275 và 276 của vợ chồng ông H và bà L. Đối với việc ông T đắp cống thoát nước của cái Ao (Cống số 1 theo sơ đồ phát họa) thì do bà L, ông H không cho lấy nước từ Ao để tưới thanh long nên gia đình ông bà mua ống dẫn nước chỗ khác về tưới thanh long, vì vậy cống thoát nước của cái Ao mùa mưa tràn xuống ngập úng đất thanh long của gia đình ông bà nên ông bà đắp bít cống lại. Đối với cái bờ bao quanh các thửa đất số 272, 275 và 276 của bà L và ông H (Bờ và Cống số 2 theo sơ đồ phát họa) thì trước kia gia đình ông bà thấy nước ở trên tràn xuống ruộng làm ngập úng nên tự làm mương lách ra để tháo nước đi, đây là con mương tự tạo do ông bà làm trên đất của ông bà, nay ông bà không dùng mương này nữa nên phá bỏ bờ và đắp bờ cao lên để nước khỏi tràn xuống làm ngập úng thanh long của gia đình ông bà. Vì vậy ông T và bà L không đồng ý theo yêu cầu của bà L và ông H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và Phan Thị L.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các

bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-DS ngày 22/5/2018 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về quyền thoát nước qua bất động sản L kè”, qua thẩm tra tài liệu, chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa thì Hội đồng xét xử thấy rằng đây là tranh chấp là “Tranh chấp về quyền thoát nước qua bất động sản L kè” được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú và quyền về tài sản tranh chấp tại xã Hàm T, huyện HTB nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện HTB có thẩm quyền giải quyết.

2. Xét yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét xử phân tích như sau: Gia đình ông Nguyễn Văn H bà Phan Thị L được Nhà nước cấp cho 01 cái Ao diện tích 3.711,7m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 928280 ngày 14/10/2009 và các thửa đất số: 272 diện tích 700m², 275 diện tích 600m², 276 diện tích 840m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 527169 ngày 28/8/1998. Gia đình ông Đặng Văn T và bà Trương Thị Kim L được Nhà nước cấp cho diện tích đất là 7.600m² thuộc thửa số 112 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N417724 ngày 12/10/1998. Theo bản đồ 299 đang lưu tại Ủy ban nhân dân xã Hàm T cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên các đương sự thì không có con mương nào giữa đất của vợ chồng ông H bà L và vợ chồng ông T bà L.

3. Kết quả thu thập chứng cứ tại Văn bản số 746/UBND-NC ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện HTB trả lời công văn số 102/CVTA-DSST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện HTB có nội dung:

(1). Trình tự, thủ tục và nội dung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 527169 ngày 28/8/1998 đứng tên Nguyễn Văn H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 928280 ngày 14/10/2009 đứng tên bà Phan Thị L là đúng đối tượng, đúng theo quy định của Luật Đất đai.

(2+4). Qua kiểm tra, đối chiếu vào sơ đồ các thửa đất số 273 diện tích 630m², thửa đất số 274 diện tích 720m², thửa đất số 275 diện tích 600m², thửa đất số 276 diện tích 840m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 527169 ngày 28/8/1998 và thửa đất số 196 diện tích 3.702m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 928280 ngày 14/10/2009 với bản đồ 299 đang lưu giữ, quản lý tại Ủy ban

nhân dân xã Hàm T thì không có mương nước từ vị T Cống số 1 đến vị T Cống số 2 (Theo sơ đồ phát họa hiện trạng Cống và mương thoát nước theo biên bản xem xét tại chỗ ngày 28/11/2017 của Tòa án huyện) đồng thời cũng không có Cống thoát nước của cái Ao (Cống số 1) và Cống thoát nước của các hộ dân (Cống số 2) thoát nước xuống mương nước này. Tuy nhiên, năm 2014 khi đo đạc địa chính thì tại khu vực đất này có mương nước từ vị T Cống số 1 chạy theo bờ trong sơ đồ phát họa đến Cống số 2.

(3). Mương nước thể hiện trên bản đồ địa chính được hình thành trong quá trình sử dụng đất của các hộ, mương nước này không thuộc đất do nhà nước quản lý. Do đó không xác định được thời gian hình thành cũng như diện tích, chiều dài, chiều rộng và chiều sâu mương nước.

4. Căn cứ nội dung công văn trên phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đủ căn cứ pháp luật xác định giữa đất của vợ chồng ông H và bà L và đất của vợ chồng ông T và bà L không có mương thoát nước nào. Trong quá trình sử dụng đất ông T bà L tự tạo mương nước để lấy nước từ cái Ao của gia đình ông H bà L tưới thanh long, do ông H bà L không cho lấy nước từ Ao nữa nên vợ chồng ông T bà L lắp đặt hệ thống ống lấy nước nơi khác tưới thanh long. Vì vậy, mương nước tự tạo trên đất của vợ chồng ông T bà L phá bỏ là quyền sử dụng và định đoạt của vợ chồng ông T và bà L. Ngoài ra, các thửa đất số 272,273,274,275,276 của gia đình bà L và ông H có lối thoát nước ra các Ao rộng 3.711,7m² của gia đình ông H và bà L chứ không bị vay bọc bởi các bất động sản liền kề khác. Do đó, Vợ chồng ông H và bà L yêu cầu vợ chồng anh Đặng Minh T và chị Trương Thị Kim L phải tháo dỡ cống thoát nước của cái Ao (Cống số 1 theo sơ đồ phát họa) rộng 0,5m và cao 0,6m; Phá dỡ cống thoát nước của 03 hộ phía trên (Cống số 2 theo sơ đồ phát họa) có chiều dài 1m, rộng 1m và cao 0,5m hướng Đông các thửa đất số 272, 275 và 276; Phá bỏ bờ bao dài 99m cao 0,5m rộng 0,5m nối từ vị T Cống số 1 đến vị T Cống số 2 theo sơ đồ phát họa, và phục hồi lại con mương có trước đó cho nước mưa thoát xuống không làm ngập úng cây thanh long của gia đình ông bà là không đúng nên Tòa bác yêu cầu khởi kiện.

5. Về án phí, lệ phí: Căn cứ Điều 145, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1953, bà Phan Thị L sinh năm 1953 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông H và bà L phải chịu lệ phí xem xét tại chỗ và đo đạc đất là 4.758.000đ.

Vợ chồng ông Đặng Minh T và bà Trương Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Áp dụng: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 245, Điều 252 Bộ luật dân sự 2015. Điều 4; Điều 100; Điều 171 Luật Đất đai.

2.Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị L về việc yêu cầu vợ chồng anh Đặng Minh T và chị Trương Thị Kim L phải tháo dỡ cống thoát nước của cái Ao (Cống số 1 theo sơ đồ phát họa) rộng 0,5m và cao 0,6m; Phá dỡ cống thoát nước của 03 hộ phía trên (Cống số 2 theo sơ đồ phát họa) có chiều dài 1m, rộng 1m và cao 0,5m hướng Đông các thửa đất số 272, 275 và 276; Phá bỏ bờ bao dài 99m cao 0,5m rộng 0,5m nối từ vị T Cống số 1 đến vị T Cống số 2 theo sơ đồ phát họa, và phục hồi lại con mương có trước đó cho nước mưa thoát xuống không làm ngập úng cây thanh long của gia đình ông bà.

3. Về án phí, lệ phí: Áp dụng: khoản 1, 2 Điều 147 và khoản 1 Điều 157; Điều 163; Điều 164; Điều 165 và Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị L 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0014559 ngày 28/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HTB, tỉnh Bình Thuận.

Về Lệ phí: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị L phải chịu 4.758.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn đồng) chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị L đã nộp đủ 4.758.000đ tạm ứng lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất tại Tòa án nhân dân huyện HTB nên không phải nộp nữa.

Vợ chồng ông Đặng Minh T và bà Trương Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/6/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện HTB;
- Chi cục THADS huyện HTB;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ung Thanh Quang